

TỜ TRÌNH
Về việc Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Điều 25 Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
1	Tổng tài sản	63.497.386.249
1.1	Tài sản ngắn hạn	23.747.802.028
1.2	Tài sản dài hạn	39.749.584.221
2	Tổng nguồn vốn	63.497.386.249
2.1	Nợ phải trả	5.686.173.618
2.2	Vốn chủ sở hữu	57.811.212.631
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	35.973.500.766
4	Lợi nhuận trước thuế	7.601.198.859
5	Lợi nhuận sau thuế	6.035.627.287

(Đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TẶNG VĂN HƯNG

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 – 28
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	29

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty CP Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301064707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 28/11/2018. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ : 43.781.200.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2024 : 43.781.200.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại : 0275.3869852

Mã số thuế : 1301064707

3. Ngành nghề hoạt động

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);

- Bán buôn đồ uống.

Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn (mã ngành 4633);

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán lẻ đồ uống không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga, bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác. (mã ngành 4723);

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Chi tiết: Bao gồm việc sản xuất và đóng chai nước khoáng, nước tinh khiết hoặc sản phẩm tương tự. (mã ngành 1104).

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Tăng Văn Hưng	Chủ tịch	10/06/2023	-
Ông Phạm Đức Hải	Thành viên	10/06/2023	-
Ông Cù Anh Tuấn	Thành viên	10/06/2023	19/03/2024
Ông Lê Vũ Phong	Thành viên	10/06/2023	-
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyền	Thành viên	10/06/2023	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	26/04/2024	-

4.2 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Ngọc Tú	Trưởng ban	10/06/2023	-
Bà Nguyễn Chi Thảo	Thành viên	10/06/2023	-
Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	10/06/2023	-

4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Vũ Phong	Giám đốc	01/01/2022	-
Bà Ngô Thị Cẩm Lý	Phó Giám đốc	-	-
Bà Đoàn Thị Ngọc Lan	Kế toán trưởng	-	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này Ông Tăng Văn Hưng – Chủ tịch hội đồng quản trị.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 29.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viênCông ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.106
NG
PH
SH
TH
VH

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Số 539B, Ấp Thanh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Ban Giám đốc



LÊ VŨ PHONG

Giám đốc

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2025.



Số: 2131/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2025 (từ trang 07 đến trang 29), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2839-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.747.802.028	28.069.154.257
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	10.947.247.299	13.148.532.988
111	1. Tiền		1.947.247.299	1.148.532.988
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	12.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.356.179.788	13.001.146.269
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	2.757.285.852	3.135.807.769
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	7.633.800.092	9.894.087.802
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	12.076.712	16.109.589
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(46.982.868)	(44.858.891)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.473.089.241	1.551.524.355
141	1. Hàng tồn kho		1.473.089.241	1.551.524.355
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		971.285.700	367.950.645
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	281.967.746	308.556.799
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		689.317.954	59.393.846
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		39.749.584.221	32.755.098.144
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		23.429.788.832	28.925.265.602
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	23.376.954.870	28.845.724.128
222	- Nguyên giá		85.765.591.225	84.910.078.501
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(62.388.636.355)	(56.064.354.373)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	52.833.962	79.541.474
228	- Nguyên giá		125.830.000	125.830.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(72.996.038)	(46.288.526)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11.730.181.097	1.703.038.488
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	11.730.181.097	1.703.038.488
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.589.614.292	2.126.794.054
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	4.589.614.292	2.126.794.054
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		63.497.386.249	60.824.252.401

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thanh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.686.173.618	6.134.668.041
310	I. Nợ ngắn hạn		5.686.173.618	6.134.668.041
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	1.563.446.554	2.192.072.005
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	960.729.670	1.338.232.491
314	4. Phải trả người lao động		893.606.120	877.729.046
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		301.496.402	340.854.745
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	332.312.780	276.136.678
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	1.634.582.092	1.109.643.076
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.15	57.811.212.631	54.689.584.360
410	I. Vốn chủ sở hữu		57.811.212.631	54.689.584.360
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		43.781.200.000	43.781.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.782.712.145	1.695.303.621
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.247.300.486	9.213.080.739
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.211.673.199	1.963.690.577
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.035.627.287	7.249.390.162
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		63.497.386.249	60.824.252.401

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Giám đốc

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

LÊ VŨ PHONG

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

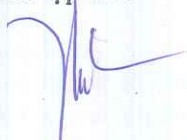
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	35.530.798.917	34.339.136.339
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.530.798.917	34.339.136.339
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	20.148.860.974	17.950.503.811
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.381.937.943	16.388.632.528
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	440.516.600	927.248.725
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	3.697.561.293	3.852.315.745
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	4.524.416.827	4.366.304.286
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.600.476.423	9.097.261.222
31	11. Thu nhập khác	VI.6	2.185.249	23.453.013
32	12. Chi phí khác	VI.7	1.462.813	3.972.372
40	13. Lợi nhuận khác		722.436	19.480.641
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.601.198.859	9.116.741.863
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	1.565.571.572	1.867.351.701
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.035.627.287	7.249.390.162
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.241	1.490
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	1.241	1.490

Người lập biểu



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Kế toán trưởng



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



LÊ VŨ PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		37.985.069.250	35.657.147.699
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(25.765.978.676)	(26.033.923.781)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.997.223.980)	(7.737.606.848)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(1.967.351.701)	(1.070.411.290)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		943.192.578	1.523.157.036
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.503.171.543)	(2.828.107.444)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(305.464.072)	(489.744.628)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(64.563.980)	(241.201.402)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	15.977.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	VII.1	(19.000.000.000)	(7.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.2	19.000.000.000	20.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		305.579.613	438.791.193
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		241.015.633	13.213.566.791
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.15d	(2.136.837.250)	(2.136.837.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.136.837.250)	(2.136.837.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(2.201.285.689)	10.586.984.913
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13.148.532.988	2.561.548.075
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	10.947.247.299	13.148.532.988

Người lập biểu

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Kế toán trưởng

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



LÊ VŨ PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301064707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2018 và thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 11 năm 2024.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Bán buôn đồ uống.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có các yếu tố ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 68 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 61 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp);
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng nội dung dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa được khách hàng nghiệm thu thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Các chi phí thay đồng hồ nước, gắn mới đồng hồ nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 5 năm theo Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Chi phí sửa chữa hệ thống cấp nước phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.
- Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động được phân bổ vào chi phí trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các phần mềm máy tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính từ 03-08 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch, gắn đồng hồ nước, thay đồng hồ nước...)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Công ty tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	41.624.453	19.528.235
Tiền gửi ngân hàng	1.905.622.846	1.129.004.753
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	10.947.247.299	13.148.532.988

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</i>	2.757.285.852	3.135.807.769
Khách hàng lẻ	2.757.285.852	3.135.807.769
Cộng	2.757.285.852	3.135.807.769

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hữu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	7.633.800.092	9.894.087.802
- Công Ty TNHH TV XD TMDV Đức Anh ^(*)	5.714.384.607	9.818.781.574
- Công Ty CP Tư Vấn - Dịch Vụ - Xây Dựng Đặng Phát	1.552.941.071	-
- Các đối tượng khác	366.474.414	75.306.228
Cộng	7.633.800.092	9.894.087.802

^(*)Là khoản tiền trả trước cho hợp đồng thi công Nhà máy nước Tam Phước số 154/2023/HĐXD ngày 30 tháng 10 năm 2023.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.076.712	16.109.589
- Tạm ứng	-	-
- Khác	12.076.712	16.109.589
Cộng	12.076.712	16.109.589

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khách lẻ	46.982.868	44.858.891
Cộng	46.982.868	44.858.891

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	44.858.891	51.813.132
Tăng trong năm	2.123.977	-
Hoàn nhập trong năm	-	(6.954.241)
Số cuối năm	46.982.868	44.858.891

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tồn kho	1.473.089.241	-	1.551.524.355	-
- Nguyên liệu, vật liệu ^(*)	1.422.573.015	-	1.501.750.229	-
- Công cụ, dụng cụ	50.516.226	-	49.774.126	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	1.473.089.241	-	1.551.524.355	-

^(*)Chủ yếu là các vật tư sửa chữa ngành nước

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	-	-
- Hóa chất	142.846.800	211.887.500
- Công cụ dụng cụ	139.120.946	96.669.299
Cộng	281.967.746	308.556.799

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	308.556.799	2.204.781.343
Tăng trong năm	1.444.258.911	1.416.980.767
Phân bổ trong năm	(1.470.847.964)	(3.313.205.311)
Số cuối năm	281.967.746	308.556.799

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	1.989.871.492	1.800.629.587
- Chi phí thay đồng hồ nước	1.903.515.129	-
- Khác	696.227.671	326.164.467
Cộng	4.589.614.292	2.126.794.054

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.126.794.054	-
Tăng trong năm	4.277.045.777	3.308.558.284
Phân bổ trong năm	(1.814.225.539)	(1.181.764.230)
Số cuối năm	4.589.614.292	2.126.794.054

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
1. Nguyên giá				
Số đầu năm	15.177.534.021	4.182.217.976	65.550.326.504	84.910.078.501
Tăng trong năm	107.709.840	205.402.000	542.400.884	855.512.724
Mua trong năm	107.709.840	205.402.000	180.714.131	493.825.971
Kết chuyển từ XDCB hoàn thành	-	-	361.686.753	361.686.753
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	15.285.243.861	4.387.619.976	66.092.727.388	85.765.591.225
Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.240.596.623	1.470.729.030	22.313.770.022	38.025.095.675
2. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	14.714.564.057	2.486.792.782	38.862.997.534	56.064.354.373
Tăng trong năm	385.399.312	588.308.530	5.350.574.140	6.324.281.982
Khấu hao trong năm	385.399.312	588.308.530	5.350.574.140	6.324.281.982
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	15.099.963.369	3.075.101.312	44.213.571.674	62.388.636.355
3. Giá trị còn lại				
Số đầu năm	462.969.964	1.695.425.194	26.687.328.970	28.845.724.128
Số cuối năm	185.280.492	1.312.518.664	21.879.155.714	23.376.954.870

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
1. Nguyên giá		
Số đầu năm	125.830.000	125.830.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	125.830.000	125.830.000
Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	46.288.526	46.288.526
Tăng trong năm	26.707.512	26.707.512
- Khấu hao trong năm	26.707.512	26.707.512
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	72.996.038	72.996.038
3. Giá trị còn lại		
Số đầu năm	79.541.474	79.541.474
Số cuối năm	52.833.962	52.833.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hữu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ/PBCP trong năm	Số cuối năm
Kết chuyển vào chi phí sửa chữa	-	1.524.203.364	(1.524.203.047)	-
Kết chuyển vào chi phí trả trước	222.160.015	450.998.064	(227.554.115)	445.603.964
- CT di dời đai khởi thủy và đầu nối đường ống cấp nước các tuyến đường huyện Châu Thành thuộc dự án NMN Tam Phước	-	59.230.717	(1.214.290)	58.016.427
- CT di dời đai khởi thủy và đầu nối đường ống cấp nước trên QL 60 mới thuộc dự án NMN Tam Phước	-	90.702.586	(1.032.060)	89.670.526
- CT di dời đai khởi thủy và đầu nối đường ống cấp nước các tuyến ống mới liên xã Phước Thạnh, Hữu Định thuộc huyện Châu Thành	-	123.355.269	(3.147.750)	120.207.519
- CT di dời và cải tạo đường ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ kết cấu mặt bằng đường Võ Tấn Nhứt (đường số 11) - GD 1	-	91.710.642	-	91.710.642
- CT di dời, cải tạo đường ống cấp nước HDPE D125 đường ĐX.04, xã An Phước	-	19.509.820	-	19.509.820
- CT lắp đặt mới đường ống cấp nước và đầu nối các tuyến tẽ của đường Tân kế, Thị Trấn Châu Thành	-	66.489.030	-	66.489.030
- Các công trình khác	222.160.015	-	(222.160.015)	-
Xây dựng cơ bản dở dang				
Kết chuyển vào TSCĐ	1.480.878.473	10.165.385.413	(361.686.753)	11.284.577.133
- Nhà máy nước Tam Phước	1.480.878.473	9.374.829.215	-	10.855.707.688
- Công trình: Đầu tư xây dựng mới đường ống cấp nước liên xã Phước Thạnh, Hữu Định thuộc huyện Châu Thành	-	428.869.445	-	428.869.445
- Đầu tư xây dựng mới đường ống HDPE D200 khoan ngầm qua rạch Cái Trắng của cầu Sông Nhỏ	-	361.686.753	(361.686.753)	-
Cộng	1.703.038.488	12.140.586.841	(2.113.444.232)	11.730.181.097

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác	1.563.446.554	2.192.072.005
- Công Ty CP Khoan và Xây lắp Cấp Thoát Nước	1.038.284.583	-
- Công Ty CP HAWACO Miền Nam	324.858.150	485.237.080
- Công Ty CP Tư vấn Xây dựng Vạn Phú Thành	80.800.763	575.641.328
- Công Ty TNHH MTV Kỹ Thuật Liên Anh	60.977.337	25.713.590
- Các nhà cung cấp khác	58.525.721	1.105.480.007
Cộng	1.563.446.554	2.192.072.005

Số dư nợ phải trả người bán quá hạn đến thời điểm 31/12/2024 là 0 đồng.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.267.351.701	-	1.565.571.572	(1.967.351.701)	865.571.572	-
- Thuế thu nhập cá nhân	47.287.095	-	190.671.666	(180.320.089)	57.638.672	-
- Thuế tài nguyên	-	-	158.040.840	(144.673.680)	13.367.160	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	20.456.100	(20.456.100)	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	23.593.695	-	269.539.002	(268.980.431)	24.152.266	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	42.509.500	(42.509.500)	-	-
Cộng	1.338.232.491	-	2.246.788.680	(2.624.291.501)	960.729.670	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.601.198.859	9.116.741.863
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	226.659.000	220.016.640
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	226.659.000	220.016.640
Thu nhập chịu thuế	7.827.857.859	9.336.758.503
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.565.571.572	1.867.351.701
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.565.571.572	1.867.351.701

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	332.312.780	276.136.678
- Kinh phí công đoàn	8.751.200	8.640.860
- Các khoản phải trả khác	323.561.580	267.495.818
Cộng	332.312.780	276.136.678

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Kết chuyển từ quỹ thưởng điều hành sang quỹ khen thưởng	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	909.634.076	524.939.016	-	200.000.000	1.634.582.092
- Quỹ thưởng ban điều hành	200.000.000	200.000.000	(200.000.000)	(200.000.000)	-
Cộng	1.109.643.076	724.939.016	(200.000.000)	-	1.634.582.092

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.**15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Nhà nước (UBND tỉnh Bến Tre. Đại diện vốn nhà nước: ông Lê Vũ Phong)	33,76%	14.780.850.000	33,76%	14.780.850.000
Cù Anh Tuấn	26,74%	11.706.120.000	26,74%	11.706.120.000
CTCP DIC Môi trường. Đại diện vốn: ông Tăng Văn Hưng	18,53%	8.111.250.000	18,53%	8.111.250.000
Phạm Đức Hải	8,54%	3.738.720.000	8,54%	3.738.720.000
Nguyễn Thị Hương	2,67%	1.169.950.000	2,67%	1.169.950.000
Trương Lan Anh	2,67%	1.169.930.000	2,67%	1.169.930.000
Các cổ đông khác	7,09%	3.104.380.000	7,09%	3.104.380.000
Cộng	100%	43.781.200.000	100%	43.781.200.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	43.781.200.000	43.781.200.000	-
Cộng	43.781.200.000	43.781.200.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

15c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.378.120	4.378.120
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu phổ thông	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu phổ thông	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 04 năm 2024 như sau:

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	:	724.939.016
• Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)	:	1.087.408.524
• Chia cổ tức còn lại cho các cổ đông năm 2023	:	2.189.060.000
Cộng	:	4.001.407.540

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, thành phẩm	35.350.220.210	34.075.288.292
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.578.707	263.848.047
Cộng	35.530.798.917	34.339.136.339

Không có phát sinh doanh thu với các bên liên quan

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	20.077.692.594	17.881.948.191
- Giá vốn dịch vụ	71.168.380	68.555.620
Cộng	20.148.860.974	17.950.503.811

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	436.635.648	924.326.833
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.880.952	2.921.892
Cộng	440.516.600	927.248.725

4. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	2.406.780.215	2.441.839.037
- Chi phí công cụ, vật liệu	202.920.724	1.181.262.698
- Chi phí khấu hao	398.456.054	112.408.401
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.496.373	34.891.070
- Chi phí bằng tiền khác	88.907.927	81.914.539
Cộng	3.697.561.293	3.852.315.745

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	3.514.067.139	3.338.886.143
- Chi phí công cụ, vật liệu	15.529.000	14.770.273
- Chi phí khấu hao	396.672.496	476.035.637
- Thuế, phí, lệ phí và chi phí thuê đất	74.465.600	64.280.943
- Chi phí dự phòng	2.123.977	6.954.241
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.322.738	261.886.295
- Chi phí bằng tiền khác	266.235.877	203.490.754
Cộng	4.524.416.827	4.366.304.286

6. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Khách hàng chuyển khoản dư	2.185.249	23.453.013
Cộng	2.185.249	23.453.013

7. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Khách hàng chuyển khoản thiếu	1.462.813	3.972.372
Cộng	1.462.813	3.972.372

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.035.627.287	7.249.390.162
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(603.562.729)	(724.939.016)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(603.562.729)	(724.939.016)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.432.064.558	6.524.451.146
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	4.378.120	4.378.120
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	1.241	1.490

^(*)Năm nay tạm trích theo tỷ lệ 10% theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 04 năm 2024, và Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.035.627.287	7.249.390.162
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(603.562.729)	(724.939.016)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(603.562.729)	(724.939.016)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.432.064.558	6.524.451.146
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	4.378.120	4.378.120
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	1.241	1.490

^(*)Năm nay tạm trích theo tỷ lệ 10% theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 04 năm 2024, và Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí vật liệu, đồ dùng	7.245.197.054	6.692.168.688
- Chi phí nhân công	10.595.860.576	10.239.086.802
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.292.797.297	6.960.900.728
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.374.507.012	797.943.627
- Chi phí bằng tiền khác	462.333.381	181.086.552
Cộng	27.970.695.320	24.871.186.397

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**1. Tiền chi vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi gửi tiết kiệm kỳ hạn 03 tháng	(19.000.000.000)	(7.000.000.000)
Cộng	(19.000.000.000)	(7.000.000.000)

2. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Thu hồi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 03 tháng	19.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	19.000.000.000	20.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thu nhập từ tiền lương, thưởng của các thành viên quản lý chủ chốt trực tiếp điều hành trong kỳ:

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Tăng Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	614.155.647	505.966.350
Ông Lê Vũ Phong	TV HĐQT kiêm Giám đốc	443.039.288	367.351.155
Bà Ngô Thị Cẩm Lý	Phó Giám đốc	572.948.953	473.300.822
Cộng		1.630.143.888	1.346.618.327

Thù lao của các thành viên quản lý không trực tiếp điều hành trong năm

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Cù Anh Tuấn	TV HĐQT	59.000.000	89.500.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	TV HĐQT	60.500.000	-
Ông Phạm Đức Hải	TV HĐQT	119.500.000	89.500.000
Bà Nguyễn Thị Hương	TV HĐQT	15.000.000	36.000.000
Ông Võ Minh Hùng	Trưởng BKS	-	18.000.000
Ông Trương Ngọc Tú	Trưởng BKS	48.700.000	25.200.000
Bà Nguyễn Chi Thảo	TV BKS	48.700.000	43.200.000
Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh	TV BKS	48.700.000	43.200.000
Cộng		400.100.000	344.600.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty không có số dư với các bên có liên quan với Công ty và trong năm không phát sinh giao dịch với các bên liên quan này.

3. Báo cáo bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Cung cấp hàng hóa, thành phẩm: cung cấp nước sạch.
- Cung cấp dịch vụ: lắp đặt, sửa chữa.

▪ Kỳ này

Chỉ tiêu	Hàng hóa, thành phẩm	Dịch vụ	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.350.220.210	180.578.707	35.530.798.917
- Giá vốn hàng bán	20.077.692.594	71.168.380	20.148.860.974
Lợi nhuận gộp	15.272.527.616	109.410.327	15.381.937.943

▪ Kỳ trước

Chỉ tiêu	Hàng hóa, thành phẩm	Dịch vụ	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.075.288.292	263.848.047	34.339.136.339
- Giá vốn hàng bán	17.881.948.191	68.555.620	17.950.503.811
Lợi nhuận gộp	16.193.340.101	195.292.427	16.388.632.528

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của một bên khác vào ngày 31/12/2024.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

LÊ VŨ PHONG



CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thanh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A.	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	43.781.200.000	1.083.159.365	5.172.991.004	50.037.350.369
2. Tăng trong năm trước	-	612.144.256	7.249.390.162	7.861.534.418
- Lợi nhuận tăng	-	612.144.256	7.249.390.162	7.861.534.418
3. Giảm trong năm trước	-	-	(3.209.300.427)	(3.209.300.427)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(612.144.256)	(612.144.256)
- Trích Quỹ khen thưởng	-	-	(408.096.171)	(408.096.171)
- Trích Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
- Trích cổ tức phải trả	-	-	-	-
5. Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	43.781.200.000	1.695.303.621	(2.189.060.000)	(2.189.060.000)
6. Tăng trong năm nay	-	1.087.408.524	9.213.080.739	54.689.584.360
- Lợi nhuận tăng	-	1.087.408.524	6.035.627.287	7.123.035.811
7. Giảm trong năm nay	-	-	6.035.627.287	7.123.035.811
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(4.001.407.540)	(4.001.407.540)
- Trích Quỹ khen thưởng	-	-	(1.087.408.524)	(1.087.408.524)
- Trích Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
- Trích cổ tức phải trả	-	-	(724.939.016)	(724.939.016)
8. Số dư cuối năm nay	43.781.200.000	2.782.712.145	(2.189.060.000)	(2.189.060.000)
			11.247.300.486	57.811.212.631

Người lập biểu



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Kế toán trưởng



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

TỜ TRÌNH

Về việc trích lập quỹ và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông về trích lập và sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

I. Phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024:

1. Trích lập các quỹ như sau:

TT	Diễn giải	ĐVT	Số trình thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	đồng	6.035.627.287
2	Trích quỹ đầu tư phát triển 15%	đồng	905.344.093
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%), trong đó: - Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho CBNV - Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành công ty	đồng	603.562.729 403.562.729 200.000.000
4	Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ	đồng	4.526.720.465

2. Phân phối lợi nhuận như sau:

TT	Diễn giải	Tỷ lệ	Số trình thực hiện (đồng)
1	Lợi nhuận năm 2024 sau khi trích quỹ		4.526.720.465
2	Lợi nhuận còn lại các năm (12/2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023) chưa phân phối		5.211.673.199
3	Tổng lợi nhuận (mục 1 + 2)		9.738.393.664
4	Chia cổ tức Bằng cổ phiếu	0%	0
5	Lợi nhuận còn giữ lại (mục 3 - 4)		9.738.393.664

- **Lý do về việc không chia cổ tức:**

- Năm 2025, Nhà máy Tam Phước hoàn tất việc xây dựng và đưa vào sử dụng, để việc đầu tư và khai thác nhà máy được hiệu quả, Công ty cần có kế hoạch dài hơi trong việc đầu tư, xây dựng, đầu nối các tuyến ống mới để tăng áp lực đồng đều trên hệ thống cũng như giảm thất thoát nước. Do đó, Công ty cần có nguồn tài chính lớn để thực hiện kế hoạch trên. Với phương án tạm giữ lại cổ tức như trên sẽ giúp Công ty có nguồn để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư trong năm 2025 và những năm tiếp theo, bên cạnh đó cũng giảm việc vay vốn để đầu tư tại các tổ chức tín dụng, góp phần làm giảm chi phí tài chính cho Công ty.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Theo kế hoạch kinh doanh của năm 2025, Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

TT	Diễn giải	Đvt	Số trình thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	đồng	3.927.598.303
2	Trích quỹ đầu tư phát triển 15%	đồng	589.139.745
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	đồng	392.759.830
4	Cổ tức	Tùy thuộc vào kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026, HĐQT sẽ trình ĐHCĐ thông qua trước khi thực hiện.	

Vậy để đáp ứng kế hoạch đầu tư, kinh doanh dài hạn, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như trên.

Trân trọng./.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TẶNG VĂN HƯNG

TỜ TRÌNH

Báo cáo tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2024; kế hoạch quỹ lương, thù lao năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành;
- Xét kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty như sau:

I. Báo cáo tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tiền (đồng)
1	Tiền lương/thù lao HĐQT (trong đó HĐQT hưởng lương chuyên trách)	5	707.520.000
2	Thù lao BKS không chuyên trách	3	129.600.000
3	Tiền thưởng HĐQT		200.000.000
Tổng cộng			937.120.000

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tiền (đồng)
1	Tiền lương/thù lao HĐQT	5	707.520.000
2	Thù lao BKS không chuyên trách	3	129.600.000
Tổng cộng			837.120.000

Trong đó:

Mức thù lao áp dụng cho thành viên HĐQT: 7.000.000đ/tháng.

Mức thù lao áp dụng cho BKS: 3.600.000đ/tháng.

Tiền lương của Chủ tịch HĐQT được áp dụng theo quy chế tiền lương của Công ty đã được HĐQT thông qua ban hành từng thời kỳ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TẶNG VĂN HƯNG

